

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 11/5/2020

*V/v Ly hôn, nuôi con chung, chia
tài sản chung sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Minh Hương**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Hoàng Hữu Truyền**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lường Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc “*Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 2 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị Đ.** Sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phương B** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Triệu Văn Đ.** Sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Triệu Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Phương B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 16/5/2013,

sau khi kết hôn anh Đ đến ở rể tại nhà bố mẹ đẻ chị Đ tại thôn K, xã B, huyện N, đến năm 2017 thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại thôn S, xã T, huyện N sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sinh được 2 con chung là cháu Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 và cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016. Đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và hai vợ chồng ly thân từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm trong cuộc sống vợ chồng giữa hai người không hợp nhau. Anh Đ hay có hành vi bạo lực gia đình, lấy dao chặt phá nhà cửa, đồ đạc trong gia đình. Bố mẹ chị đã mời tổ hòa giải của thôn đến để giải quyết. Trước tổ hòa giải, anh Đ luôn tỏ thái độ thành khẩn, hối hận với những hành vi mà mình đã gây ra và xin lỗi chị cùng gia đình chị. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên đã bỏ về bên ngoại sinh sống. Tuy nhiên, anh Đ đến nhà bố mẹ đẻ dọa nạt, bắt chị phải về nhà. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng anh Đ, chị Đ có 02 con chung là Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 và Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016, các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị Đ đề nghị được nuôi cháu Triệu Thị Kim N và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn chị Triệu Thị Đ cho rằng vợ chồng chị có các tài sản chung gồm: 02 con trâu, 02 con ngựa, số tiền 75.000.000^d, trồng được 2000 cây mỗ, 1400 cây quế ở thôn S, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị muốn chia đôi các tài sản trên.

Về nợ chung: Nguyên đơn chị Triệu Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Triệu Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 16/5/2013. Sau khi kết hôn, anh Đ về ở rể và sống chung với gia đình chị Đ tại thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 12/2018 (âm lịch) vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Đ đòi đi làm công nhân ở xa, định mang số vàng hai vợ chồng tích góp mua được bỏ đi nên anh không đồng ý. Sau đó, hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, anh có được tạt chị Đ 01 phát. Anh với hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sinh sống. Sau khi sự việc xảy ra, anh có lên xin lỗi nhưng vợ uống rượu độc để tự tử và đi điều trị ở bệnh viện. Anh đã cố gắng liên lạc nhưng cả vợ và gia đình vợ đều không cho biết vợ anh ở đâu. Vợ chồng anh ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nay chị Đ xin ly hôn anh không nhất trí vì anh không muốn các con còn nhỏ không có bố và mẹ cùng chăm sóc.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng anh, chị có con chung là Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 và Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016.

Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng anh Đ, chị Đ có 09 chỉ vàng, 02 con trâu có giá trị khoảng hơn 40 triệu đồng (là 01 con trâu mẹ đã đẻ 02 lứa và 01 con trâu đực khoảng 6 tuổi) do anh giữ, 01 xe máy RSX đứng tên anh Triệu Văn Đ. Khi ly hôn, anh Đ nhất trí trả cho ông Triệu Văn V (bố đẻ chị Triệu Thị Đ) số tiền 20.000.000^d là tiền ông V đưa cho anh Đ để mua xe máy.

Về nợ chung: Anh Đ và chị Đ có nợ mẹ anh Đ là bà Triệu Thị D số tiền 20.000.000^d để mua cây giống về trồng và chi tiêu hàng ngày; nợ tiền mua máy nổ 4.000.000^d. Hiện nay chiếc máy nổ vẫn đang ở bên nhà chị Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Triệu Thị Đ đã rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung; nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất tự thỏa thuận về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đưa vụ án ra xét xử. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST căn cứ các Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 71, Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự, tuyên xử nguyên đơn chị Triệu Thị Đ được ly hôn với bị đơn anh Triệu Văn Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Triệu Thị Đ. Giao con chung là cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016 (cháu N khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn Triệu Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 (cháu Đ khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn Triệu Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Các bên đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

5. Về nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2019, bị đơn Triệu Văn Đ có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, bị đơn Triệu Văn Đ khai do không hiểu biết nên đơn kháng cáo ghi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019, nay anh Đ xác định chỉ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đối với quyết định của Bản án về con chung, anh Đ có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Không kháng cáo đối với phần bản án giải quyết về quan hệ hôn nhân, chia tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Triệu Văn Đ có ý kiến: Anh Đ nhất trí với bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung như đã thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/11/2019. Tại phiên tòa anh Đ vẫn nhất trí thuận tình ly hôn với chị Triệu Thị Đ và tự thỏa thuận về chia tài sản chung và nợ chung. Anh kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Triệu Hưng Đ và cháu Triệu Thị Kim N. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ thỏa thuận với chị Đ là anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Triệu Thị Kim N, vì cháu N tuy là con gái nhưng rất thân thiết và quấn quýt với bố. Anh đồng ý cho chị Triệu Thị Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Hưng Đ, không yêu cầu chị Đ phải góp phí tôn nuôi con.

Nguyên đơn chị Triệu Thị Đ có ý kiến: Chị hoàn toàn đồng ý với ý kiến thỏa thuận của anh Đ. Chị Đ sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Hưng Đ đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và anh Đ không được ngăn cản chị Đ đi lại thăm nom con chung là Triệu Thị Kim N. Không yêu cầu anh Đ phải góp phí tôn nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Anh Triệu Văn Đ và chị Triệu Thị Đ đã tự thỏa thuận là chị Triệu Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Triệu Hưng Đ sinh ngày 23/5/2013; anh Triệu Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Triệu Văn Đ: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2019 anh Triệu Văn Đ nộp đơn kháng cáo bản án. Nội dung, hình thức, thời hạn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên kháng cáo của anh Đ là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị đơn Triệu Văn Đ khai do không hiểu biết nên đơn kháng cáo ghi kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019, nay anh Đ xác định chỉ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đối với phần nuôi con chung, anh Đ có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Không kháng cáo đối với phần bản án giải quyết về quan hệ hôn nhân, chia tài sản chung và nợ chung.

[2] Qua xem xét kháng cáo của anh Triệu Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định giao con chung là cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016 cho nguyên đơn Triệu Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Và giao con chung là cháu Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 cho bị đơn Triệu Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường.

2.2. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Triệu Văn Đ và chị Triệu Thị Đ thỏa thuận chị Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Hưng Đ sinh ngày 23/5/2013 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; anh Triệu Văn Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị Đ và anh Triệu Văn Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của chị Đ, anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh chị, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là cháu Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 cho mẹ là chị Triệu Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016 cho anh Triệu Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị Đ và anh Triệu Văn Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Chị Triệu Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (chị Đ được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm).

Về án phí phúc thẩm: Anh Triệu Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2019/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1. Giao con chung là cháu Triệu Hưng Đ, sinh ngày 23/5/2013 (cháu Đ khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn Triệu Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị Đ không yêu cầu anh Đ góp phí tổn nuôi con.

Giao con chung là cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 15/4/2016 (cháu N khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn Triệu Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu chị Đ góp phí tổn nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn Đ và chị Triệu Thị Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Triệu Thị Đ được miễn án phí, không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn Triệu Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hường